

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2025

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Em.

2. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, là Thư ký của HToà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đặng Hữu N, sinh năm 1983, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 22/6/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường cự cãi không hòa giải được. Vợ chồng ly

thân từ năm 2020 đến nay, từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về nuôi con: Trong quá trình chung sống, chị D và anh N có 02 con chung là Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 22/05/2013 và Đặng Hữu T, sinh ngày 08/01/2015, hiện nay cháu H đang sống với anh N, cháu T đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D đồng ý giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có; Về nợ: Không có.

Bị đơn là anh Đặng Hữu N vắng mặt không có văn bản trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không yêu cầu gì mới hay cung cấp chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị D là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh N không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Cẩm D đối với anh Đặng Hữu N, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 22 tháng 6 năm 2015. Cho chị Trần Thị Cẩm D được ly hôn với anh Đặng Hữu N.

2. Về nuôi con:

Giao con chung tên Đặng Hữu T, sinh ngày 08/01/2015 (con hiện đang sống chung với chị Trần Thị Cẩm D) cho chị Trần Thị Cẩm D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2013 (con hiện đang sống chung với anh Đặng Hữu N) cho anh Đặng Hữu N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.1 Về cấp dưỡng nuôi con:

- Chị Trần Thị Cẩm D không yêu cầu, anh Đặng Hữu N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Đặng Hữu N không yêu cầu, chị Trần Thị Cẩm D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có. Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn hiện cư trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa, chỉ có mặt nguyên đơn chị D, riêng bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nghĩa L phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định điểm a, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Nghĩa L hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 31 ngày 22 tháng 6 năm 2015. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng thường cự cãi không hòa giải được. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không có hàn gắn tình cảm. Đối với anh N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho anh N theo quy định của pháp luật và Thông báo số: 01/TB-TA, ngày 03/01/2025 về việc yêu cầu đương sự trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ văn bản ý kiến nào của anh N, qua đó cho thấy anh N không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn của chị D và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Nghĩa L hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con: Trong quá trình chung sống, chị D và anh N có 02 con chung là Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 22/05/2013 và Đặng Hữu T, sinh ngày 08/01/2015, hiện nay cháu H đang sống với anh N, cháu T đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cháu T. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến ngày hôm nay, cháu T đang sống với chị D do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo cho cháu H có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, đảm bảo điều kiện học hành. Mặt khác, chị D đang là lao động tự do, đang làm công ty kinh doanh tư nhân, thu nhập 300.000đ-400.000đ/ ngày. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 23/12/2024 của cháu Đặng Hữu T có nguyện vọng sống với chị D, **cháu H đang sống với anh N và cháu**

H có nguyện vọng sống với anh N. Chị D đồng ý giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, anh N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Anh N không yêu cầu, chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ: Trong quá trình giải quyết chị D trình bày không có. Đối với anh N thì cũng không có ý kiến hay cung cấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Cẩm D đối với anh Đặng Hữu N, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 22 tháng 6 năm 2015. Cho chị Trần Thị Cẩm D được ly hôn với anh Đặng Hữu N.

2. Về nuôi con:

Giao con chung tên Đặng Hữu T, sinh ngày 08/01/2015 (con hiện đang sống chung với chị Trần Thị Cẩm D) cho chị Trần Thị Cẩm D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Đặng Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2013 (con hiện đang sống chung với anh Đặng Hữu N) cho anh Đặng Hữu N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.1 Về cấp dưỡng nuôi con:

- Chị Trần Thị Cẩm D không yêu cầu, anh Đặng Hữu N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Đặng Hữu N không yêu cầu, chị Trần Thị Cẩm D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có. Về nợ: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Chị Trần Thị Cẩm D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014931 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4.2 Anh Đặng Hữu N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho đương sự có mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND H. Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- UBND xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường